

**TÔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 53



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
- Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc
- Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Hà Nội
- Nhà máy ô tô thương mại Samco

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cài tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2017)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát (đến tháng 04/2017)
Bà Võ Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 156/2018/BCKT-HCM.00147

PKF

Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỄU
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.916.505.938.876	1.999.205.922.116
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	471.349.890.185	670.812.878.417
Tiền	111		467.959.304.310	666.021.355.544
Các khoản tương đương tiền	112		3.390.585.875	4.791.522.873
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		674.569.545.225	642.056.674.119
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	461.946.355.303	489.821.484.772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	35.773.719.681	45.374.235.769
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.203.286.634	3.203.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	192.908.482.270	121.975.374.268
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(22.280.766.974)	(21.336.175.635)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	3.018.468.311
Hàng tồn kho	140	5.8	763.361.974.510	654.840.364.477
Hàng tồn kho	141		763.361.974.510	654.840.364.477
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.224.528.956	31.496.005.103
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.865.063	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.127.013.228	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	6.009.650.665	31.496.005.103
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.649.117.452.560	2.401.609.000.867
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.791.169.404	12.614.330.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thu c	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	32.791.169.404	12.614.330.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		687.630.810.880	714.183.028.100
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	685.991.037.303	711.933.134.684
Nguyên giá	222		1.047.949.151.923	1.001.561.662.885
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.958.114.620)	(289.628.528.201)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.639.773.577	2.249.893.416
Nguyên giá	228		5.259.647.002	5.259.647.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.619.873.425)	(3.009.753.586)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		507.124.772.823	328.919.036.118
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	507.124.772.823	328.919.036.118
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.349.180.132.995	1.307.630.245.872
Đầu tư vào công ty con	251		464.887.702.214	447.548.302.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		914.717.399.892	891.164.665.958
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.624.969.111)	(31.082.722.300)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		72.390.566.458	38.262.360.777
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	72.390.566.458	38.262.360.777
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.565.623.391.436	4.400.814.922.983

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.339.852.061.763	2.135.309.716.199
Nợ ngắn hạn	310		1.623.666.533.565	1.514.374.504.142
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	259.710.618.634	260.561.162.120
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	52.752.876.291	74.192.804.656
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	295.773.792.967	191.747.839.270
Phải trả người lao động	314		139.440.523.066	134.667.918.148
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.346.459.785	15.777.527.723
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	241.148.167	3.404.770.912
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	18.245.763.244	1.207.001.110
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	602.595.814.036	632.253.556.979
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	252.559.537.375	200.561.923.224
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		716.185.528.198	620.935.212.057
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	165.101.559.964	172.068.310.759
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	381.691.581.247	333.339.646.259
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	118.335.239.385	70.502.519.037
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		51.057.147.602	45.024.736.002

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.225.771.329.673	2.265.505.206.784
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	2.225.771.329.673	2.265.505.206.784
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.754.858.280.515	1.740.891.113.278
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.754.858.280.515	1.740.891.113.278
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		309.555.648.604	127.153.570.096
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		161.357.400.554	397.459.860.471
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	662.939
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	662.939
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.565.623.391.436	4.400.814.922.983


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
 Người lập biểu


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.869.043.322.270	6.557.583.759.980
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	5.869.043.322.270	6.557.583.759.980
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.521.899.988.350	6.106.751.457.872
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		347.143.333.920	450.832.302.108
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	659.077.890.489	291.323.559.918
Chi phí tài chính	22	6.4	40.483.071.707	19.302.905.875
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		39.189.755.195	31.532.576.978
Chi phí bán hàng	25	6.5	179.334.341.904	172.476.673.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	195.504.254.551	171.759.836.521
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		590.899.556.247	378.616.446.377
Thu nhập khác	31	6.7	74.271.788.821	45.529.031.533
Chi phí khác	32	6.8	6.327.763.186	10.972.632.317
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		67.944.025.635	34.556.399.216
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		658.843.581.882	413.172.845.593
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	44.491.755.210	26.296.173.884
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	3.928.114.391
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		614.351.826.672	382.948.557.318


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập biểu


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	658.843.581.882	413.172.845.593
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	78.649.192.590	90.784.916.874
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	486.838.150	(13.126.825.507)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.410.611	109.880.802
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(373.201.450.135)	(291.956.749.518)
Chi phí lãi vay	06	39.189.755.195	31.532.576.978
Các khoản điều chỉnh khác	07	7.400.000.000	14.259.777.999
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	411.370.328.293	244.776.423.221
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(74.988.456.567)	(152.685.534.594)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(113.161.132.964)	77.521.395.871
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,	11	(199.992.052.476)	9.447.328.196
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(30.841.413.040)	(12.236.559.868)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.189.755.195)	(31.532.576.978)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.019.596.903)	(69.828.204.522)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.615.864.267	47.794.039.315
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(25.745.779.006)	(12.152.705.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(76.951.993.591)	101.103.605.292
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(184.082.485.065)	(53.415.011.062)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	11.601.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(200.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	54.081.632.691
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(54.194.689.190)	(1.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.542.250.000	48.573.265.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	382.071.035.351	285.145.678.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	147.136.111.096	344.387.292.618
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	9.060.906.447.088	4.518.732.125.458
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.042.731.469.683)	(4.468.145.012.135)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(287.819.672.531)	(231.274.033.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(269.644.695.126)	(180.686.920.542)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(199.460.577.621)	264.803.977.368
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	670.812.878.417	406.008.238.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.410.611)	662.939
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	471.349.890.185	670.812.878.417


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập biểu


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tổng Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.421 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.432 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.15 Tiền lương

Căn cứ vào Nghị quyết số 14/NQ-HĐTV ngày 15 tháng 02 năm 2017 do chủ tịch Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2017 của Tổng Công ty.

4.16 Các khoản trích theo lương

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí đến ngày 31/05/2017 là 18%, từ ngày 01/06/2017 trở đi là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương tối thiểu vùng vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ xây dựng

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.19 Giá vốn

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp. Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP.HCM	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP.HCM	Công ty liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Phú Định	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Ô tô Vận Tải Số 1	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP.HCM	Công ty liên kết
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP.HCM	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	10.807.521.826	6.263.058.820
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	454.715.181.206	659.694.267.220
- USD (*)	2.436.601.278	64.029.504
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	3.390.585.875	4.791.522.873
	471.349.890.185	670.812.878.417

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 107.505,02 USD, tương đương 2.436.601.278 VND.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đầu tư vào công ty con	(a)	464.887.702.214	447.548.302.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b)	914.717.399.892	891.164.665.958
Dự phòng giảm giá đầu tư		(30.624.969.111)	(31.082.722.300)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(c)	200.000.000	-
		1.349.180.132.995	1.307.630.245.872

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	(*)	
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	(*)	(*)	
Công ty CP Bến Bãi Vận Tài Sài Gòn	25.500.000.000	-	(*)	8.160.600.000	-	(*)	(*)	
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	12.750.000.000	-	204.000.000.000	12.750.000.000	-	12.750.000.000	12.750.000.000	
Công ty CP Vận Tài Biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	(*)	81.288.900.000	-	(*)	(*)	
	464.887.702.214	(23.057.302.214)		447.548.302.214	(23.057.302.214)			

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty liên doanh								
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco	93.935.921.750	-	(*)	58.313.901.750	-	(*)	(*)	
Buslines				31.767.447.777	-	(*)	(*)	
Công ty TNHH Vận Tài Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	-	(*)	-	-	(*)	(*)	
Công ty liên kết								
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	-	(*)	294.000.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	-	(*)	161.700.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	29.400.000.000	(2.077.833.901)	(*)	29.400.000.000	(2.712.128.093)	(*)	(*)	
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	4.906.169.190	(4.122.005.146)	(*)	4.873.500.000	(3.945.464.143)	(*)	(*)	
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty CP Ôtô An Thái	9.200.000.000	-	(*)	8.000.000.000	-	(*)	(*)	
Công ty TNHH Ôtô Toyota Samco	86.406.452.000	-	(*)	86.406.452.000	-	(*)	(*)	

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	(*)	11.050.123.700	-	(*)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	13.839.425.000	-	(*)	17.381.675.000	-	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	914.717.399.892	(7.567.666.897)		891.164.665.958	(8.025.420.086)	

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(c) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	3.204.318.792	3.204.318.792
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	2.600.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Bussines	17.412.000.000	150.790.830
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	1.918.566.167	1.805.137.950
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	30.137.360	6.212.693.352
Công ty TNHH Ôtô Toyota Samco	102.052.034	204.947.329
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.920.000.000	160.919.707
Các tổ chức khác		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định V.N	99.759.296.960	125.602.546.960
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	54.207.780.000	-
Các khách hàng khác	282.389.603.990	352.480.129.852
	461.946.355.303	489.821.484.772

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	3.406.427.270	5.183.789.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	500.000	500.000
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	148.715.584	-
Các tổ chức khác		
Rosenbauer International Aktiengesellschaft	3.383.734.069	-
BQL Dự án Đông thành phố - CN Tập đoàn Bưu chính	3.432.047.437	-
viễn thông Việt Nam - Viễn thông TP. Hồ Chí Minh	13.402.295.321	28.189.946.769
Các nhà cung cấp khác	35.773.719.681	45.374.235.769

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	3.203.286.634	3.203.286.634

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác				
5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác				
Bên liên quan				
Phải thu lãi cho vay				
Công ty CP Đóng Tàu An Phú			8.917.290	-
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	777.273.863	(777.273.863)	777.273.863	(777.273.863)
Lợi nhuận, cổ tức được chia				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	84.105.541.288	-	47.450.898.123	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	67.994.135.716	-	26.575.741.717	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	2.550.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Business	2.550.000.000	-		
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	959.125.000	-		
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.940.000.000	-		
Phải thu khác – dịch vụ cung cấp				
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	1.090.909.091	-	59.252.728	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	119.953.511	-	1.208.340.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Bảo hiểm xã hội	-	-	429.907.858	-
Bảo hiểm y tế	258.464.354	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	179.139.672	-	41.085.492	-
Tạm ứng	9.603.315.147	-	32.030.284.126	-
Ký quỹ ngân hàng	1.335.581.454	-	4.100.189	-
Ký quỹ khác	2.220.300.000	(39.300.000)	436.300.000	-
Các khoản phải thu khác	16.101.137.383	(1.879.058.238)	12.829.667.091	(1.382.722.487)
	192.908.482.270	(2.819.237.892)	121.975.374.268	(2.283.602.141)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Thị xã Dĩ An	1.624.369.264	-	10.000.000.000	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9	507.507.000	-	1.856.875.000	-
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	28.800.000.000	-	-	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	757.455.000	-
Các khoản phải thu khác	784.245.000	-	-	-
	32.791.169.404	-	12.614.330.000	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Nợ xấu

31/12/2017				01/01/2017			
Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)		
Trên 3 năm	3.204.318.792	(3.204.318.792)	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)		
Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)		
Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)		
Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 2 năm	619.490.295	(619.490.295)		
Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)		-	-		
Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)		
Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)		
Trên 3 năm	6.090.241.392	(6.090.241.392)	Trên 3 năm	5.230.230.142	(5.230.230.142)		
	22.280.766.974	(22.280.766.974)		21.336.175.635	(21.336.175.635)		

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	21.336.175.635	20.798.876.202
Trích lập trong năm	944.591.339	537.299.433
Số dư cuối năm	22.280.766.974	21.336.175.635

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	317.249.936.501	-	252.984.450.772	-
Công cụ dụng cụ	646.105.724	-	614.827.608	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	17.622.322.576	-	27.494.633.514	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	949.971.152	-	1.484.948.828	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	109.317.501.929	-	96.776.690.945	-
Thành phẩm	188.593.660.022	-	172.615.580.532	-
Hàng hóa	126.791.547.631	-	98.776.196.007	-
Hàng gửi đi bán	2.190.928.975	-	4.093.036.271	-
	763.361.974.510	-	654.840.364.477	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	698.756.117.391	173.879.986.822	47.378.453.165	16.291.582.082	65.255.523.425	1.001.561.662.885
Mua sắm trong năm	262.331.360	12.473.683.456	4.893.285.655	452.629.545	142.438.000	18.224.368.016
Đầu tư XDCB hoàn thành	31.415.730.843	4.555.606.817	1.845.482.727	-	-	37.816.820.387
Tăng khác	-	-	4.269.232.727	-	-	4.269.232.727
Giảm do thanh lý	-	(1.369.492.090)	(5.770.767.971)	(323.882.181)	-	(7.464.142.242)
Giảm khác	(2.131.513.123)	(58.044.000)	(4.269.232.727)	-	-	(6.458.789.850)
Tại ngày 31/12/2017	728.302.666.471	189.481.741.005	48.346.453.576	16.420.329.446	65.397.961.425	1.047.949.151.923
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	141.994.979.755	84.875.880.863	19.133.647.850	10.718.256.735	32.905.762.998	289.628.528.201
Khấu hao trong năm	29.279.966.726	23.896.583.125	9.454.212.144	2.532.474.839	12.875.835.917	78.039.072.751
Giảm do thanh lý	-	(1.377.600.602)	(3.495.072.262)	(323.882.181)	-	(5.196.555.045)
Giảm khác	(512.931.287)	-	-	-	-	(512.931.287)
Tại ngày 31/12/2017	170.762.015.194	107.394.863.386	25.092.787.732	12.926.849.393	45.781.598.915	361.958.114.620
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	556.761.137.636	89.004.105.959	28.244.805.315	5.573.325.347	32.349.760.427	711.933.134.684
Tại ngày 31/12/2017	557.540.651.277	82.086.877.619	23.253.665.844	3.493.480.053	19.616.362.510	685.991.037.303
Trong đó: - Nguyên giá						
TSCĐ cuối năm đã khấu hao						
hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 324.189.935.480 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho						
các khoản vay của Tổng Công ty (tài ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 349.335.416.736 VND).						
	50.198.770.033	48.571.445.941	7.337.119.889	6.666.732.486	2.527.728.249	115.301.796.598

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Phản mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2017	5.259.647.002
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2017	5.259.647.002
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2017	3.009.753.586
Khấu hao tăng trong năm	610.119.839
Tại ngày 31/12/2017	3.619.873.425
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2017	2.249.893.416
Tại ngày 31/12/2017	1.639.773.577

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 2.261.547.002 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn còn sử dụng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư tại ngày 01/01/2017 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển khác VND	Số dư tại ngày 31/12/2017 VND
Xây dựng Bến xe Miền Đông Mới	315.731.296.095	185.044.961.382	-	-	500.776.257.477
Các công trình khác	13.187.740.023	45.029.635.720	(37.816.820.387)	(14.052.040.010)	6.348.515.346
	328.919.036.118	230.074.597.102	(37.816.820.387)	(14.052.040.010)	507.124.772.823

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê đất	72.390.566.458	38.262.360.777
	72.390.566.458	38.262.360.777

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	59.450.000	599.910.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	-	138.773.531
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	57.340.269.401	32.498.534.690
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	513.840.922	381.574.815
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	4.266.363.638	4.974.545.456
Công ty CP Hoà Phú	48.747.270	-
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH Denso Việt Nam - Chi nhánh tại Hà Nội	-	27.499.937.939
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	333.771.141	434.937.140
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	14.516.186.379	9.375.636.503
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	14.329.477.595	17.484.220.295
Phải trả nhà cung cấp khác	168.302.512.288	167.173.091.751
	259.710.618.634	260.561.162.120

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Bến xe Miền Tây	-	50.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	11.907.000.000	-
Các tổ chức khác		
Công ty CP bất động sản Tiến Phước	10.962.903.124	30.143.773.930
Ban quản lý xây dựng công trình huyện nhà Bè	-	9.363.148.510
Các khách hàng khác	29.882.973.167	34.635.882.216
	52.752.876.291	74.192.804.656

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm				31/12/2017	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	Kết chuyển khác	Phải nộp	Phải thu	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	16.428.767.349	-	33.051.384.819	(25.118.119.119)	-	24.362.033.049	-	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	35.812.169.064	(35.812.169.064)	-	-	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	798.725.688	(798.725.688)	-	-	-	
Thuế nhập khẩu	-	-	30.178.734.442	(30.178.734.442)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(21.545.064.359)	44.042.285.064	(5.862.981.010)	480.496.810	17.114.736.505	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự án	480.496.810	-	449.470.146	(156.615.893)	(480.496.810)	292.854.253	-	
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	(3.916.701.225)	13.911.324.261	(12.649.850.851)	-	-	(2.655.227.815)	
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 5%	-	(3.093.100)	7.006.033	(7.006.033)	-	-	(3.093.100)	
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 10%	958.024.840	-	4.103.656.665	(4.068.035.969)	-	993.645.536	-	
Thuế tài nguyên	-	(69.240)	5.187.544	(5.118.304)	-	-	-	
Tiền thuế đất	-	(6.031.077.179)	18.628.656.711	(15.948.909.282)	-	-	(3.351.329.750)	
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	1.506.299.640	(1.506.299.640)	-	-	-	
Thuế môn bài	-	-	206.175.600	(206.175.600)	-	-	-	
Các khoản phải nộp khác	173.880.550.271	-	367.073.415.427	(287.943.442.074)	-	253.010.523.624	-	
	191.747.839.270	(31.496.005.103)	549.774.491.104	(420.262.182.969)	-	295.773.792.967	(6.009.650.665)	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế đối với hoạt động chính là 20%.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	658.843.581.882	413.172.845.593
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	18.499.244.065	22.876.903.946
Các khoản điều chỉnh giảm	(447.284.049.895)	(293.451.969.546)
Thu nhập tính thuế TNDN	229.858.776.052	142.597.779.994
Trích quỹ khoa học công nghệ	(7.400.000.000)	(14.259.777.999)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	222.458.776.052	128.338.001.995
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động XSKD chính	220.211.425.322	128.338.001.995
Thu nhập từ hoạt động KD bất động sản	2.247.350.730	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.042.285.064	25.667.600.399
Thu nhập KD bất động sản tạm nộp thuế	449.470.146	605.691.991
Nộp bổ sung thuế cho năm 2012, 2013	-	22.881.494
Thuế TNDN phải nộp	44.491.755.210	26.296.173.884
5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình xây dựng	1.988.698.934	14.866.629.617
Bảo hành nghiệm thu xe	357.760.851	910.898.106
	2.346.459.785	15.777.527.723
5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn		
5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dịch vụ sửa chữa	241.148.167	686.589.094
Cung cấp hàng hóa	-	2.718.181.818
	241.148.167	3.404.770.912
5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	108.573.053.633	113.847.857.860
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	48.159.824.513	50.348.907.447
Doanh thu công trình xây dựng	8.368.681.818	7.871.545.452
	165.101.559.964	172.068.310.759

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(b) Chi tiết vay ngắn hạn các đơn vị thành viên

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông (1)	54.000.000.000	34.000.000.000
Công ty CP Bến xe Miền Tây (2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn (3)	2.000.000.000	2.000.000.000
	86.000.000.000	66.000.000.000

(1) Là khoản vay từ Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng 68/HĐVV–SC ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay : 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2%/năm), Lãi suất cho vay sẽ thay đổi phù hợp với quy định lãi suất của ngân hàng nhà nước
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng 27/HĐVV–SC ngày 11 tháng 08 năm 2017:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay : 11/08/2017 đến 10/08/2018
Lãi suất vay : 0,526%/tháng (tương đương 6,31%/năm), Lãi suất cho vay sẽ thay đổi phù hợp với quy định lãi suất của ngân hàng nhà nước
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 32/HĐVV - SC ngày 13 tháng 09 năm 2017:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay : 13/09/2017 đến 12/09/2018
Lãi suất vay : 0,526%/tháng (tương đương 6,31% /năm). Lãi suất cho vay sẽ thay đổi phù hợp với quy định lãi suất của ngân hàng nhà nước.
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 14/HĐVV–SC ngày 28 tháng 04 năm 2017 từ Công ty CP Bến Xe Miền Tây:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay : 01/04/2017 đến 31/03/2018
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2%/năm), lãi suất sẽ thay đổi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 67/HĐVV–SC ngày 30 tháng 12 năm 2016 từ Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay : 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2%/năm), lãi suất sẽ thay đổi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(c) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Kỳ phiếu nội bộ 3 tháng	5.950.000.000	5.150.000.000
	5.950.000.000	5.150.000.000

Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với lãi suất từ 0,41%/tháng.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	(1)	107.237.519.037	96.139.798.689
Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	(2)	36.735.000.000	-
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm		(25.637.279.652)	(25.637.279.652)
		118.335.239.385	70.502.519.037

(1) Đây là số dư khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo 02 hợp đồng sau:

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- HĐTD Số 432/2012/HĐTD	(*)	70.502.519.037	96.139.798.689
- HĐTD Số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO	(**)	36.735.000.000	-
		107.237.519.037	96.139.798.689

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 432/2012/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2012 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ Ô tô và nhà đậu xe cao tầng của bên B 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Thời hạn vay : 92 tháng

Lãi suất vay : Lãi suất thả nổi

Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất (bao gồm máy móc thiết bị của dự án xây dựng khu văn phòng khối A và nhà đậu xe cao tầng khối B hình thành trong tương lai (loại trừ thiết bị văn phòng), và toàn bộ quyền phải thu, quyền khai thác tài sản, lợi tức phát sinh từ tài sản đảm bảo tại 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 432/2012/HĐTC
Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 443/2012/HĐTC.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(**) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên:

Mục đích vay	: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư Dự Án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh – Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Vốn vay	: Mỗi ngân hàng cam kết một khoản cho vay là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
Thời hạn vay	: 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất vay	: Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ (trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm)
Hình thức đảm bảo	: Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ tài sản của Dự Án hình thành trong tương lai bao gồm nhưng không giới hạn (công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị của Dự Án) quyền tài sản phát sinh của dự án bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền kinh doanh khai thác bến xe, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm...)

(2) Là số dư của khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên – xem mục (**).

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Chi quỹ VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	199.904.606.925	74.492.177.507	(22.612.072.550)	251.784.711.882
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	657.316.299	883.627.250	(766.118.056)	774.825.493
	200.561.923.224	75.375.804.757	23.378.190.606	252.559.537.375

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.21 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2016	1.582.941.527.444	12.087.099.657	349.974.011.156	3.928.114.391	1.936.843.652.991
Tăng lợi nhuận theo Biên bản Chi cục tài chính 2012 ngày 22/12/2014	-	-	-	1.819.032.443	1.819.032.443
Theo Công văn 3948/UBND-CNN ngày 27/07/2016	-	181.903.244	-	(181.903.244)	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	152.250.000	152.250.000
- Hoàn lại quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.789.379.199)	-
- Tăng vốn chủ sở hữu	1.789.379.199	-	-	382.738.556.969	382.738.556.969
Lãi trong năm 2016	-	-	-	(114.884.567.195)	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	114.884.567.195	-	(68.718.750.000)	(68.718.750.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(749.720.875)	(749.720.875)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	-	-
Tăng vốn chủ sở hữu từ đầu tư vào các công ty liên kết chuyên về	155.152.590.631	-	-	-	155.152.590.631
Tăng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	-	-	44.866.156.959	-	44.866.156.959
Tăng vốn từ Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	1.007.616.004	-	-	-	1.007.616.004
Tăng khác	-	-	2.619.692.356	-	2.619.692.356
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(202.522.970.700)	(202.522.970.700)
Số dư 31/12/2016	1.740.891.113.278	127.153.570.096	397.459.860.471	662.939	2.265.505.206.784

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2017	1.740.891.113.278	127.153.570.096	397.459.860.471	662.939	2.265.505.206.784
Kết chuyển khoản bù đắp giảm vốn điều lệ do cổ phần hóa công ty con (1)	23.727.472.493	-	(23.727.472.493)	-	-
Điều chỉnh giảm vốn đối với giá trị tài sản cố định không cần dùng (2)	(9.759.705.256)	-	-	-	(9.759.705.256)
Điều chỉnh giảm vốn do chênh lệch (3)	(600.000)	-	-	-	(600.000)
Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 339 của Thanh tra chính phủ	-	(1.903.469.494)	-	-	(1.903.469.494)
Lãi trong năm 2017	-	-	-	614.351.826.672	614.351.826.672
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	184.305.548.002	-	(184.305.548.002)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(65.078.752.896)	(65.078.752.896)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(838.639.750)	(838.639.750)
Giảm trong năm (4)	-	-	(214.800.861.306)	-	(214.800.861.306)
Tăng khác	-	-	2.425.873.882	-	2.425.873.882
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(364.129.548.963)	(364.129.548.963)
Số dư 31/12/2017	1.754.858.280.515	309.555.648.604	161.357.400.554	-	2.225.771.329.673

(1) Tăng vốn chủ sở hữu từ Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để bù đắp giảm vốn điều lệ do cổ phần hóa công ty con: Công ty TNHH MTV Cảng Sông Thành phố là 11.958.775.810 VND và Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú là 11.768.696.683 VND.

(2) Điều chỉnh giảm vốn đối với giá trị tài sản cố định không cần dùng khi cổ phần hóa Công ty Sài Gòn Star theo QĐ 2919/QĐ-UBND ngày 6/6/2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh điều chỉnh QĐ 6487/QĐ-UBND ngày 4/12/2015.

(3) Điều chỉnh giảm vốn đầu tư tại Công ty Bến Bãi Vận tải Sài Gòn do trước đây tính có chênh lệch.

(4) Khoản giảm Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trong năm 2017 gồm mục (1) ở trên và:

- Hoàn trả chênh lệch do xác định lại tiền thu từ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn: 5.613.191.770 VND
- Thực hiện xử lý tiền thu từ cổ phần hóa các công ty con làm tăng thu nhập tài chính Tổng Công ty: 209.187.669.536 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư chi tiết quỹ hỗ trợ sắp xếp các doanh nghiệp sau cổ phần hóa

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	61.604.582.629	61.604.582.629
Công ty CP Cơ Khí Ô Tô Thủ Đức	16.399.390.902	16.399.390.902
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng	7.086.393.141	7.086.393.141
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	11.561.070.034	11.561.070.034
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	10.870.229.082	10.870.229.082
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	21.908.139.885	21.908.139.885
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Thành phố	3.003.921.075	3.003.921.075
Công ty CP CôngTrình Giao Thông Quận 8	1.013.534.590	1.013.534.590
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu - Comeco	870.979.070	870.979.070
Công ty CP Cảng Phú Định	-	168.066.391.278
Công ty CP Đóng tàu An Phú	-	25.595.302.682
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	-	44.866.156.959
Chi trợ cấp thôi việc của các công ty cổ phần hóa	(418.022.004)	(418.022.004)
Lãi quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	27.457.182.150	25.031.791.148
	161.357.400.554	397.459.860.471

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	107.505,02	2.818,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	3.409.871.711.436	3.076.464.100.756
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	1.745.974.900.269	2.601.234.090.983
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	337.023.971.109	277.622.261.369
Doanh thu xây dựng	297.837.662.326	523.491.437.615
Doanh thu khác	78.335.077.130	78.771.869.257
	5.869.043.322.270	6.557.583.759.980
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	5.869.043.322.270	6.557.583.759.980

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Trong đó, doanh thu các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	-	901.818.182
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	1.090.000.001	-
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	176.824.237	881.032.923
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	1.439.057.501	42.815.654
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	42.573.986.538	64.772.884
Công ty CP Cảng Phú Định	-	716.363.636
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	11.314.835.967	74.872.045.231
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	51.255.774.257	30.431.931.320
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	7.513.626.648	12.492.771.840
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	14.251.600.124	9.939.785.626
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	7.819.753.236	6.833.660.338
Công ty CP Hoà Phú	213.057.533	182.161.618
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	-	30.601.648
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	88.745.825	65.540.894
Công ty CP Ô tô An Thái	10.373.295	16.134.500
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	842.727.273	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	6.555.591	-
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	755.581.382	-
	139.352.499.408	137.471.436.294

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.303.485.952.289	2.956.851.639.560
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	1.589.951.917.678	2.332.258.176.948
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	292.651.485.048	267.146.486.832
Giá vốn xây dựng	283.931.435.743	498.001.687.262
Giá vốn bất động sản	10.977.535.849	-
Giá vốn khác	40.901.661.743	52.493.467.270
	5.521.899.988.350	6.106.751.457.872

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	975.073.924	3.474.306.478
Lãi bán các khoản đầu tư	1.389.787.500	143.744.101.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	447.284.049.895	143.249.173.638
Xử lý tiền thu từ cổ phần hóa các công ty con	209.187.669.536	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	230.352.890	78.738.695
Thu nhập tài chính khác	10.956.744	777.240.007
	659.077.890.489	291.323.559.918

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	39.189.755.195	31.532.576.978
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.568.845.962	1.095.896.037
Hoàn nhập dự phòng	(457.753.189)	(13.664.124.940)
Chi phí tài chính khác	182.223.739	338.557.800
	40.483.071.707	19.302.905.875

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	55.314.105.142	36.277.830.661
Chi phí vật liệu	1.809.795.294	1.505.284.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.838.811.064	1.958.663.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.865.976.726	7.620.844.513
Chi phí bảo hành	3.402.393.373	4.167.360.556
Chi phí thuê đất, mặt bằng	11.010.031.378	17.884.973.396
Chi phí hoa hồng	12.792.734.649	15.038.981.339
Chi phí bảo hiểm	3.385.753.951	9.865.715.597
Chi phí khác	84.914.740.327	78.157.019.241
	179.334.341.904	172.476.673.253

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	143.724.410.942	100.109.257.410
Chi phí văn phòng phẩm	983.179.331	731.146.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.223.490.489	5.204.955.305
Chi phí khấu hao	7.388.588.841	5.964.764.405
Thuế, phí và lệ phí	684.082.032	360.435.224
Chi phí dự phòng	944.591.339	537.299.433
Trích quỹ khoa học công nghệ	7.400.000.000	14.230.611.284
Chi phí khác	29.687.833.577	44.621.367.230
	195.036.176.551	171.759.836.521

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	823.920.444	6.811.070.802
Thu nhập từ tiền thưởng hoàn thành kế hoạch	25.424.538.231	16.254.919.392
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	20.190.518.225	9.873.320.454
Thu từ cho thuê mặt bằng	4.129.839.129	3.721.208.901
Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	848.030.475	-
Thu nhập khác	22.854.942.317	8.868.511.984
	74.271.788.821	45.529.031.533

6.8 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí công trình	31.394.547	6.616.990.232
Chi phí tổ chức tham quan, học tập	860.063.058	46.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	159.799.378	766.233.783
Chi phí khác	5.276.506.203	3.543.408.302
	6.327.763.186	10.972.632.317

TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí hàng hóa thương mại	3.317.897.414.340	2.956.851.639.560
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dung	1.818.703.689.465	2.614.108.804.797
Chi phí nhân viên	617.600.252.035	410.924.324.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.649.192.590	90.784.916.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.678.764.854	208.592.403.051
Chi phí khác	306.126.808.748	167.144.221.309
	6.343.656.122.032	6.448.406.310.521

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.060.906.447.088	4.518.732.125.458
	9.060.906.447.088	4.518.732.125.458

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	9.042.731.469.683	4.468.145.012.135
	9.042.731.469.683	4.468.145.012.135

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và thưởng	4.823.700.000	4.476.908.175

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm 2017, Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu dịch vụ sửa chữa	176.824.237	71.942.013
	Doanh thu bán xe, phụ tùng	-	809.090.910
	Lợi nhuận chuyển về Tổng công ty	80.896.085.382	44.241.442.217

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Cổ tức	11.700.195.587	16.924.164.074
	Lợi nhuận chuyển về Tổng công ty	68.342.558.073	40.658.989.061
	Chi phí lãi vay	2.582.249.996	2.144.515.998
	Doanh thu bán xe	-	901.818.182
	Thu nhập khác	-	10.000.000
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Cổ tức	1.726.425.000	959.125.000
	Doanh thu bán xe	842.727.273	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Cổ tức	1.468.800.000	1.387.200.000
	Chi phí lãi vay	125.803.336	126.148.002
	Doanh thu dịch vụ	6.555.591	-
	Mua dịch vụ	14.181.818	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Cổ tức	5.100.000.000	-
	Doanh thu bán xe	1.044.545.455	-
	Doanh thu phụ kiện	45.454.546	-
	Chi phí lãi vay	1.887.050.000	1.892.220.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn			
	Doanh thu bán hàng	1.391.818.182	-
	Doanh thu dịch vụ	21.057.500	41.384.854
	Doanh thu bán phụ tùng		1.430.800
	Mua dịch vụ	18.688.405	858.157.490
	Doanh thu khác	26.181.819	-
	Cổ tức	7.354.200.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Cung cấp dịch vụ	80.824.468	64.772.884
	Doanh thu bán xe	42.480.909.091	-
	Lợi nhuận	2.550.000.000	2.550.000.000
	Doanh thu phụ tùng	12.252.979	-
	Thu hộ phí kiểm định	-	211.950.000
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Doanh thu bán xe	9.594.545.455	74.388.181.805
	Doanh thu bán phụ tùng	142.255.132	291.079.556
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.578.035.380	192.783.870
	Mua dịch vụ	6.133.332.523	3.247.967.192
	Mua phụ tùng	3.344.880.000	-
	Phải trả khác	5.613.191.770	18.243.927
	Tặng vốn góp đầu tư	-	123.385.142.854
	Cổ tức	2.940.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Cảng Phú Định			
	Doanh thu bán xe	-	716.363.636
	Lãi cho vay	-	2.462.243.872
	Thu nhập khác	-	3.500.000.000
Công ty CP Đóng Tàu An Phú			
	Lãi cho vay	-	168.520.968
	Thu tiền tham quan học tập	-	22.578.047
	Mua dịch vụ	-	5.893.636.364
Công ty CP Hoà Phú			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.057.533	182.161.618
	Doanh thu cho thuê văn phòng	180.000.000	-
	Mua hàng	48.747.270	22.521.817
	Mua dịch vụ	-	13.266.831.440
	Chiết khấu thanh toán	-	376.391.095
Công ty CP Ô tô An Thái			
	Lãi cho vay	9.527.777	20.779.580
	Cung cấp dịch vụ	10.373.295	16.134.500
	Mua hàng	2.910.520	10.052.530
	Thu nhập khác	-	1.363.636
	Tặng vốn góp đầu tư	-	1.600.000.000
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.331.594.752	12.492.771.840
	Thu nhập khác	1.106.801.150	6.314.643.085
	Mua hàng	7.382.502.600	6.295.698.585
	Doanh thu khác	75.230.746	-
	Cổ tức	35.302.000.000	-
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Doanh thu bán xe	8.332.481.817	3.160.538.182
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.919.118.307	6.779.247.444
	Mua hàng	8.952.163.635	1.961.954.545
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	30.601.648
	Mua hàng	12.163.950	-
	Cổ tức	-	486.000.000
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam			
	Doanh thu dịch vụ	153.130.020	30.431.931.320
	Doanh thu bán xe	50.018.145.267	-
	Thu nhập khác	788.212.136	1.091.909.091
	Mua hàng	45.652.056.496	42.217.832.481
	Doanh thu khác	296.286.834	-
	Cổ tức	170.175.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
	Mua hàng	70.175.291.479	47.462.910.005
	Doanh thu bán xe	741.818.182	-
	Doanh thu sửa xe	13.763.200	-
	Cổ tức	3.713.202.140	10.716.723.286
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.783.422.576	6.833.660.338
	Mua hàng	856.228.420.072	1.139.137.209.315
	Cổ tức	16.399.609.200	82.583.107.600
	Thu tiền thưởng	-	5.529.137.465
	Doanh thu khác	6.036.330.660	-
	Chi phí khác	59.727.257	-
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn			
	Tặng vốn đầu tư	-	31.767.447.777
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.745.825	65.540.894

Sổ dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	84.105.541.288	47.450.898.123
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	67.994.135.716	26.575.741.717
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(54.000.000.000)	(34.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	(290.345.999)	(181.639.333)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.204.318.792	3.204.318.792
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Trả trước người bán ngắn hạn	500.000	500.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	(10.684.667)	(10.684.667)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Phải thu khách hàng	2.600.000	-
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức được chia	2.550.000.000	-
	Người mua trả tiền trước	-	(50.000.000)
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác – lãi vay	(160.270.000)	(160.270.000)
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	17.412.000.000	150.790.830
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(11.907.903.124)	-
	Phải trả ngắn hạn khác	(430.410.000)	-
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức được chia	2.550.000.000	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.920.000.000	160.919.707
	Phải trả người bán ngắn hạn	(59.450.000)	(599.910.000)
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(5.613.191.770)	(4.205.252)
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức được chia	2.940.000.000	-
Công ty CP Cảng Phú Định			
	Nhận ký quỹ dài hạn	-	(8.000.600)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú			
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	-	8.917.290
Công ty CP Hoà Phú			
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000
	Nhận ký quỹ dài hạn	(30.000.000)	(30.000.000)
	Phải trả người bán ngắn hạn	(48.747.270)	-
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	102.052.034	204.947.329
	Phải trả người bán ngắn hạn	(513.840.922)	(381.574.815)
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(108.573.053.633)	(113.847.857.821)
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	-
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(48.159.824.513)	(40.653.759.102)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	366.286.634	366.286.634
	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30.137.360	6.212.693.352
	Phải thu ngắn hạn khác - kỳ quỹ	-	200.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	1.090.909.091	59.252.728
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	(138.773.531)
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	148.715.584	-
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(4.266.363.638)	(4.974.545.456)
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.406.427.270	5.183.789.000
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.918.566.167	1.805.137.950
	Phải thu ngắn hạn khác	119.953.511	1.208.340.000
	Phải trả người bán ngắn hạn	(57.340.269.401)	(32.498.535.126)
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(14.040.000)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Phải thu ngắn hạn khác -- cổ tức được chia	959.125.000	-

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo, ... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

8.3 Cam kết thuê

Hợp đồng thuê

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
Số 262 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	5.336,00 m ²
Số 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	23/06/1999-01/01/2046	5.682,00 m ²
Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-20/01/2020	318,40 m ²
Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-05/12/2020	1.224,00 m ²
Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,10 m ²
Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,40 m ²

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	638,00 m ²
Số 79, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006-31/12/2020	5.833,75 m ²
Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	Ngắn hạn	8.078,50 m ²
Số 121-139 Cô Giang, Quận 1	21/05/2009-21/05/2059 (*)	13.229,90 m ²
1135.QL1A, P.Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998-15/06/2048	3.592,00 m ²
1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009-03/03/2059	179,70 m ²
Áp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1	16/06/2003-16/06/2053	48.232,00 m ²
Áp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 2	26/05/2009-22/07/2054	7.375,30 m ²
Lô số E3, E4, đường số 10, Cụm Công nghiệp Cơ khí Ô tô TP. Hồ Chí Minh, Xã Hòa Phú, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	15/12/2009-06/09/2057	38.674,00 m ²
Số 464, Kinh Dương Vương, Phường An Phước, Quận Bình Tân	01/03/2016-28/02/2026	3.890,00 m ²

(*) Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất 03 năm kể từ tháng 09 năm 2011 theo thông báo tạm miễn tiền thuê đất số 8672/TB-CT-QLĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	14.213.060.176	14.791.264.960
Trong vòng hai đến năm năm	52.686.491.264	56.104.288.064
	66.899.551.440	70.895.553.024

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

LÝ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(SAMCO)

Số: 56 /BC-SC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

PHỤ LỤC 1B
BÁO CÁO CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
KỶ BÁO CÁO NĂM 2017 (Công ty mẹ)

D: Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo

(Ban hành kèm theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	22.280.766.974	21.336.175.635
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)	944.591.339	
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	602.595.814.036	632.253.556.979
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	485.008.534.384	535.466.277.327
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại	122	D (đồng)	117.587.279.652	96.787.279.652
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại	132	D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước	140	D (đồng)	118.335.239.385	70.502.519.037
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	118.335.239.385	70.502.519.037
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)	-	-
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
6. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
a) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ nguồn Ngân sách Nhà nước	210	P (đồng)		
b) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX & PTĐN	220	P (đồng)		
c) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX của Công ty mẹ	230	P (đồng)		
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ ĐTPT	240	P (đồng)		
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế không phải nộp NSNN	250	P (đồng)		
e) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ việc nhận chuyển giao từ nơi khác	260	P (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	P (đồng)	548.974.587.847	383.092.890.697
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)	116.128.184.341	92.830.798.600
- Thuế GTGT	311			
+ Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	312	P (đồng)	33.051.384.819	25.987.803.514
+ Số thuế GTGT đã nộp trong kỳ	313	P (đồng)	25.118.119.119	8.743.832.991

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	314			
+ Số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ	315	P (đồng)	798.725.688	
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ	316	P (đồng)	798.725.688	
- Thuế TNDN	317			
+ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	318	P (đồng)	44.491.755.210	26.296.173.884
+ Số thuế TNDN đã nộp trong kỳ	319	P (đồng)	6.019.596.903	69.828.204.522
- Các loại thuế khác, thu NSNN khác	320			
+ Số thuế, thu NSNN khác phải nộp trong kỳ	321	P (đồng)	38.585.044.312	40.546.821.202
+ Số thuế, thu NSNN khác đã nộp trong kỳ	322	P (đồng)	34.663.244.312	39.901.880.595
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330	P (đồng)	65.990.903.506	87.619.511.927
- Thuế NK	331			
+ Số thuế NK phải nộp trong kỳ	332	P (đồng)	30.178.734.442	35.052.894.031
+ Số thuế NK đã nộp trong kỳ	333	P (đồng)	30.178.734.442	35.052.894.031
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	334			
+ Số thuế GTGT hàng NK phải nộp trong kỳ	335	P (đồng)	35.812.169.064	52.566.617.896
+ Số thuế GTGT hàng NK đã nộp trong kỳ	336	P (đồng)	35.812.169.064	52.566.617.896
- Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	337			
+ Số thuế TTĐB hàng NK phải nộp trong kỳ	338	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng NK đã nộp trong kỳ	339	P (đồng)		
- Thuế GTGT hàng xuất khẩu	340			
+ Số thuế GTGT hàng XK phải nộp trong kỳ	341	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng XK đã nộp trong kỳ	342	P (đồng)		
- Thuế TTĐB hàng xuất khẩu	343			
+ Số thuế TTĐB hàng XK phải nộp trong kỳ	344	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng XK đã nộp trong kỳ	345	P (đồng)		
c) Lợi nhuận nộp NSNN (theo Nghị định 204)	350			
- Lợi nhuận phải nộp NSNN	351	P (đồng)	366.855.500.000	202.642.580.170
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)	287.671.300.000	233.184.226.619
8. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360	D (đồng)	289.762.992.000	160.252.307.906
9. Doanh thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	400	P (đồng)		
10. Người quản lý doanh nghiệp	500			
a) Tổng số Người quản lý doanh nghiệp	510	D (người)	14	15
- Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách	511	D (người)	10,3	11
- Người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách	512	D (người)	4	4
b) Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp	520			
- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch (năm)	521	P (đồng)	6.621.640.000	5.997.767.000
- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện (năm 2017)	522	P (đồng)	6.709.118.000	5.997.767.000
Thu nhập bình quân của Người quản lý doanh nghiệp (tháng)	523	P (đồng)	39.015.573	33.320.928
11. Người lao động	600			
a) Tổng số Người lao động	610	D (người)	1.376	1.386
b) Quỹ tiền lương của Người lao động	620			
- Quỹ tiền lương kế hoạch	621	P (đồng)	280.190.000.000	274.875.000.000
- Quỹ tiền lương thực hiện	622	P (đồng)	260.315.011.584	274.875.000.000
c) Thu nhập bình quân của Người lao động (tháng)	623	P (đồng)	15.765.202	16.526.876
12. Số dư đầu tư vào Công ty chứng khoán	710	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	711	P (đồng)		

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	712	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	713	P (đồng)		
13. Số dư đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	720	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	721	D (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	722	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	723	P (đồng)		
14. Số dư đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP	730	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ	731	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	732	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, Ngân hàng TMCP trong kỳ	733	P (đồng)		
15. Số dư đầu tư vào Quỹ đầu tư	740	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	741	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	742	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	743	P (đồng)		
16. Số dư đầu tư vào Công ty bảo hiểm	750	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	751	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	752	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	753	P (đồng)		
17. Tổng Doanh thu kế hoạch (năm)	810	P (đồng)	6.650.000.000.000	3.958.281.000.000
18. Lợi nhuận kế hoạch trước thuế TNDN (năm)	820	P (đồng)	418.200.000.000	132.696.000.000
19. Thuế và các khoản phải nộp NSNN kế hoạch (năm)	830	P (đồng)	424.683.000.000	120.219.000.000
20. Tổng kim ngạch	1000	P (nghìn USD)		
a) Kim ngạch xuất khẩu	1110	P (nghìn USD)		
b) Kim ngạch nhập khẩu	1120	P (nghìn USD)		
21. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài	1200	D (nghìn USD)		
a) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu của DN	1210	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1211	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1212	P (nghìn USD)		
b) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước	1220	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1221	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1222	P (nghìn USD)		
c) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài	1230	D (nghìn USD)		

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1231	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1232	P (nghìn USD)		
22. Tổng số thu hồi vốn đầu tư ra nước ngoài	1300	P (nghìn USD)		
a) Thu hồi vốn đầu tư	1310	P (nghìn USD)		
b) Lợi nhuận, cổ tức	1320	P (nghìn USD)		
c) Lợi nhuận chuyển về nước	1330	P (nghìn USD)		

Ghi chú:

Đề nghị các đơn vị giữ nguyên mẫu biểu báo cáo và các chỉ tiêu, không thêm, bớt dòng cột và thay đổi mã số chỉ tiêu khi lập báo cáo.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND TP;
- Chi cục TCDN;
- Lưu : VT, TCKT(01).BH.5

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC TOÀN